

Bản án số: 85/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh

2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 410/2019/DSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Li Chen W, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ X Chung cư Y, Đường Z, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thùy A, sinh năm 1991 (theo Giấy ủy quyền số 03056, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Xuân ngày 03/9/2019) (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ trụ sở: Đường B, khu dân cư C, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Lê Võ Thúy L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn ông Li Chen W có người đại diện hợp pháp là bà Ngô Thùy A trình bày:

Ngày 06/04/2019, nguyên đơn là ông Li Chen W có ký Hợp đồng cung cấp và thi công cho căn hộ tại chung cư Y, đường Z, phường M, Quận N với Công ty TNHH A về việc thực hiện công việc cung cấp, lắp đặt thi công căn hộ Z Chung cư Y với tổng giá trị Hợp đồng là 620.000.000 đồng. Thời gian thực hiện Hợp đồng là 60 ngày (kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày 17/6/2019). Thời gian thanh toán theo thỏa thuận từng đợt của từng hạng mục công trình.

Sau khi ký kết Hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng nội dung trong Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Cụ thể sau khi ký Hợp đồng, nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 310.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn nhận thấy Công ty không thực hiện theo đúng tiến độ như nội dung đã cam kết trong hợp đồng, Công ty hầu như không thực hiện các hạng mục của công trình nhằm hoàn thiện căn hộ trên.

Ngày 31/5/2019, nguyên đơn đã liên hệ và làm việc với đại diện của bị đơn. Theo đó, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn tiếp tục thi công để hoàn thiện căn hộ, đồng thời bị đơn đồng ý chịu phạt vì chậm tiến độ với mức phạt là 3.000.000 đồng mỗi ngày.

Do Công ty thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết, ngày 16/7/2019 hai bên đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng cung cấp và thi công đã ký ngày 06/4/2019 và Công ty đã đồng ý, tự nguyện hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền là 66.000.000 đồng trước 10 ngày kể từ ngày 16/7/2019 theo cam kết do Công ty A ký ngày 16/7/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện thoại đôn đốc, trực tiếp xuống làm việc với bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã cam kết nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo cam kết.

Do đó, ông Li Chen W khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH A hoàn trả cho ông số tiền là: tiền phạt 3.000.000 đồng/ngày (theo cam kết ngày 31/5/2019) x 24 ngày (tính từ ngày 18/6/2019 đến ngày 15/7/2019) - 6.000.000 đồng (tiền bị đơn đã làm vượt quá mức 310.000.000 đồng mà nguyên đơn đã thanh toán) = 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

Sau khi bị đơn nhận 310.000.000 đồng của nguyên đơn, ngày 17/5/2019 bị đơn chỉ thi công được 10% khối lượng công trình, đến ngày 15/7/2019 bị đơn mới thi công được 49% khối lượng công trình.

Theo nguyên đơn, hợp đồng thi công đã thanh lý từ ngày 16/7/2019 theo bản cam kết ngày 16/7/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong các buổi hòa giải và có thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn bồi thường số tiền phạt quá hạn theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng đã giao kết, cụ thể là 0,15%/ngày trên tổng giá trị bị trễ hạn là 620.000.000 đồng tính từ ngày 17/5/2019 cho đến ngày thanh lý hợp đồng là ngày 15/7/2019, tổng cộng là 61 ngày, số tiền cụ thể là $0.15\% \times 620.000.000 \times 61 = 56.730.000$ đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật,

Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới, không yêu cầu bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác tham gia phiên tòa.

Phía bị đơn Công ty TNHH A có người đại diện theo pháp luật là bà Lê Võ Thúy L trình bày tại các bản tự khai và phiên hòa giải:

Ngày 06/4/2019, ông Huang Pei E là người đại diện Công ty ký kết Hợp đồng cung cấp và thi công số ER2019012801 với ông Li Chen W, thời điểm đó ông Huang Pei E có quyền đại diện ký kết hợp đồng thi công. Sau thời gian trên, khoảng giữa tháng 4/2019, ông Huang Pei E đã nghỉ việc về nước Đài Loan, chính thức chuyển nhượng cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/4/2019, nhưng Công ty vẫn chịu trách nhiệm về Hợp đồng trên.

Về việc, nguyên đơn cho rằng Công ty đồng ý chịu phạt vì chậm tiến độ với mức phạt là 3.000.000 đồng mỗi ngày thì Công ty không thể thực hiện mức phạt trên, vì Công ty chưa từng ký cam kết chịu phạt chậm tiến độ với mức phạt trên. Công ty hoàn toàn không có căn cứ phải chi trả cho nguyên đơn.

Về việc, nguyên đơn trình bày trong quá trình thực hiện, Công ty đã không thực hiện theo đúng tiến độ đã cam kết thì bị đơn căn cứ Điều 5 Hợp đồng đợt 2 ngày 17/5/2019 sau khi hoàn thành 50% công trình, nguyên đơn phải thanh toán cho Công ty 20% giá trị hợp đồng là 124.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không thanh toán đúng thời hạn. Theo đó, Công ty căn cứ Điều 10 khoản 11.2 của Hợp đồng vì nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng nên Công ty có thể tạm ngưng và chấm dứt hợp đồng.

Phía bị đơn không thừa nhận bản cam kết ký ngày 31/5/2019 và 16/7/2019. Việc ký hợp đồng không phải do bà L ký, việc thực hiện tiến độ theo hợp đồng cũng không phải do bà giám sát nên bà không có tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa và bà cũng không biết tiến độ thực hiện hợp đồng như thế nào. Giữa các bên không ký kết Biên bản nghiệm thu, biên bản gia hạn hay biên bản thanh lý hợp đồng. Việc nhận 310.000.000 đồng là ông Huang Pei E là người đại diện Công

ty ký kết Hợp đồng cung cấp và thi công số ER2019012801 với ông Li Chen W và ông Huang Pei E đại diện Công ty nhận số tiền 310.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng và trong quá trình thực hiện, ông Huang Pei E trực tiếp thực hiện và chỉ đem bản hợp đồng cùng phiếu thu về lưu tại Công ty. Ngoài ra ông Huang Pei E không còn cung cấp bất cứ tài liệu nào liên quan tới việc thực hiện, chấm dứt hợp đồng cho Công ty nên Công ty không còn bất cứ tài liệu chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa.

Việc thực hiện tiến độ theo hợp đồng do ông Huang Pei E thi công. Đến ngày 17/5/2019 bà L không biết tiến độ hợp đồng thực hiện tới đâu.

Theo bị đơn, hợp đồng thi công đã thanh lý nhưng bà L không nắm được thời gian thanh lý hợp đồng. Lý do thanh lý hợp đồng là do nguyên đơn chậm thanh toán tiền đợt 2 là ngày 17/5/2019.

Bị đơn xác định không có tài liệu chứng cứ về việc thông báo nguyên đơn thanh toán tiền đợt 2, tuy nhiên do nguyên đơn không cung cấp được biên lai thu tiền đợt 2 nên đó là cơ sở xác định nguyên đơn chậm thanh toán.

Phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do nguyên đơn đã vi phạm tiến độ thanh toán trước, việc ký cam kết ngày 31/5/2019 và ngày 16/7/2019 người ký không có thẩm quyền ký.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ tranh chấp là vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, tại thời điểm Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh Quận 7, nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa là buộc bị đơn bồi thường số tiền phạt quá hạn theo qui định tại Điều 8 của hợp đồng, số tiền cụ thể là $0.15\% \times 620.000.000 \times 61 = 56.730.000$ đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, xét yêu cầu mới không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo qui định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với bị đơn là Công ty TNHH A có người đại diện theo pháp luật là bà Lê Võ Thúy L đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Căn cứ Hợp đồng cung cấp và thi công số ER2019012801WBTB ngày 06/04/2019 ký kết giữa ông Li Chen W và Công ty TNHH A và sự thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở xác định các bên có ký kết hợp đồng và thực hiện công việc cung cấp, lắp đặt thi công căn hộ X Chung cư Y với tổng giá trị Hợp đồng là 620.000.000 đồng. Thời gian thực hiện Hợp đồng là 60 ngày (kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày 17/6/2019). Thời gian thanh toán theo thỏa thuận từng đợt của từng hạng mục công trình. Và nguyên đơn đã thanh toán đợt 1 số tiền 310.000.000 đồng cho bị đơn theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Sau khi nhận tiền từ nguyên đơn thì trách nhiệm của bị đơn, bên thi công là phải thi công đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận đã ký kết và bên thi công là bên có nghĩa vụ chứng minh mình đã thực hiện công việc đúng theo thỏa thuận. tuy nhiên, phía bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh mình đã hoàn thành 50% khối lượng công trình trước ngày 17/5/2019 theo qui định tại Điều 5 của Hợp đồng. Do vậy, lời trình bày của nguyên đơn là bị đơn đã trễ tiến độ thi công đối với toàn bộ khối lượng công trình từ ngày 17/5/2019 là có căn cứ.

[5] Các bên đều xác nhận Hợp đồng cung cấp và thi công số ER2019012801WBTB ngày 06/04/2019 đã chấm dứt, bên nguyên đơn xác định ngày chấm dứt là ngày 15/7/2019, còn bị đơn không xác định được ngày thanh lý hợp đồng. Tuy nhiên, theo Giấy cam kết ngày 16/7/2019 do nguyên đơn cung

cấp có nội dung kết thúc hợp đồng ngày 15/7/2019, tuy Giấy cam kết này do người tên Hoàng Kiến V ký tên, không phải là đại diện của công ty A xác lập nên cam kết này không có giá trị pháp lý, nhưng trên Giấy có dấu mộc công ty, nên công ty đã biết hoặc bắt buộc phải biết về Giấy cam kết này. Do vậy, lời trình bày của nguyên đơn về việc ngày chấm dứt hợp đồng là ngày 15/7/2019 là có căn cứ.

[6] Bị đơn có trình bày lý do thanh lý hợp đồng là do nguyên đơn chậm thanh toán tiền đợt 2 là ngày 17/5/2019 và do nguyên đơn đã vi phạm tiến độ thanh toán trước nên bị đơn không đồng ý bồi thường. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc mình đã thực hiện đúng hợp đồng là hoàn thành được 50% công trình trước ngày 17/5/2019 và có yêu cầu ông Li Chen W thanh toán tiếp đợt 2. Nên lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[7] Theo Điều 8 Hợp đồng cung cấp và thi công số ER2019012801WBTB ngày 06/04/2019 quy định: “Bên B không làm đúng theo lịch trình bảng tiến độ thi công do hai bên thỏa thuận để hoàn thành công trình, mỗi một ngày quá hạn phạt tiền khấu trừ 0,15% tổng giá trị hạn mục bị chậm trễ”. Do bị đơn chậm trễ ngay từ đợt 1, là khi bắt đầu thi công nên tổng giá trị hạn mục bị chậm trễ cũng chính là tổng giá trị công trình trị giá 620.000.000 đồng, thời gian chậm trễ tính từ ngày cuối cùng của đợt 1 là ngày 17/5/2019 đến khi thanh lý hợp đồng là ngày 15/7/2019, tổng cộng là 61 ngày. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Li Chen W buộc Công ty TNHH A phải bồi thường số tiền $0.15\% \times 620.000.000 \times 61 = 56.730.000$ đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn
2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH A phải trả cho ông Li Chen W số tiền 56.730.000 (năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ngàn) đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp nghĩa vụ trả tiền trên được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.836.500 (hai triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm) đồng

Nguyên đơn ông Li Chen W không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Li Chen W số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0031862 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt bị đơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc San Hà